UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐỒNG LIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 280/QĐ-UBND	*Đồng liên, ngày 18 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã năm 2022 trình HĐND xã Đồng Liên khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG LIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Công chức tài chính kế toán, công chức văn phòng - Thống kê UBND xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND&UBND xã, Ban tài chính, bộ phận Kế toán – tài chính, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D Y. ĐỒNG LIÊN T.P THÁI NGUYÊN

Tạ Văn Phin

UBND XÃ ĐỒNG LIÊN

Biểu số 103/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình HĐND quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**4 460 454 000**	**TỔNG SỐ CHI**	**4 460 454 000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	37.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	117 800 000	II. Chi thường Xuyên	4 371 537 000
III. Thu bổ sung	4 305 654 000	III. Dự phòng	88 917 000
- Bổ sung cân đối	4.305.654.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NS			

UBND XÃ ĐỒNG LIÊN

Biểu số 104/CK-TC-NSNN

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh tỉ lệ %	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu ngân sách	**880.182.759**	**6.769.567.447**	**4.482.654.000**	**4.460.454.000**	**91,435557**	**85,09592**
I/ Các khoản thu 100%	**717.923.754**	**717.872.000**	**37.000.000**	**37.000.000**	**5,15**	**5,15**
- Phí, lệ phí	44.235.000	44.235.000	30.000.000	30.000.000	67,82	67,82
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	14.054.754	14.003.000				
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	652.926.000	652.926.000				
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	6.708.000	6.708.000	7.000.000	7.000.000	104,35	104,35
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**162.259.005**	**147.357.200**	**140.000.000**	**117.800.000**	86,28	79,94
1. Các khoản thu phân chia						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.917.900	1.917.900	2.000.000	2.000.000	104,28	104,28
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.300.000	8.300.000	8.000.000	8.000.000	96,39	96,39
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	26.895.525	26.895.525	25.000.000	25.000.000	92,95	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
- Thuế giá trị gia tăng	24.977.992	22.480.195	22.000.000	19.800.000	88,08	
- Thuế TNDN						
+ Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	12.404.008		13.000.000		104,80	
+ Thuế thu nhập cá nhân từ đất	87.763.580	87.763.580	70.000.000	63.000.000	79,76	71,78
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn		**94.101.271**				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		**343.830.776**				
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		**5.466.406.200**	**4.305.654.000**	**4.305.654.000**		
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.008.472.200	4.305.654.000	4.305.654.000		
- Bổ sung có mục tiêu		1.457.934.000				

UBND xã Đồng Liên **Biểu số 105/CK TC-NSNN**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán năm n-1			Dự toán năm n			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	**4.201.391.000**		**4.201.391.000**	**4.460.454.400**		**4.460.454.400**	**106**		**106**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	591.900.000		591.900.000	594.600.000		594.600.000	100		100
- Chi dân quân tự vệ	402.700.000		402.700.000	398.600.000		398.600.000	99		99
- Chi trật tư an toàn xã hội	189.200.000		189.200.000	196.000.000		196.000.000	104		104
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	62.000.000		62.000.000	35.000.000		35.000.000	56		56
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	15.000.000		15.000.000	25.000.000		25.000.000	167		167
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.225.063.000		3.225.063.000	3.445.753.400		3.445.753.400	107		107
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước	1.365.182.000		1.365.182.000	1.506.271.000		1.506.271.000	110		110
10.2. Hội đồng nhân dân	367.963.000		367.963.000	342.980.000		342.980.000	93		93
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	603.918.000		603.918.000	619.460.000		619.460.000	103		103
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	215.500.000		215.500.000	284.160.716		284.160.716	132		132
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	123.000.000		123.000.000	127.173.776		127.173.776	103		103
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	159.000.000		159.000.000	126.328.458		126.328.458	79		79
10.7. Hội Cựu chiến binh	120.000.000		120.000.000	166.442.854		166.442.854	139		139
10.8. Hội Nông dân	122.500.000		122.500.000	127.936.196		127.936.196	104		104
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	34.800.000		34.800.000	40.402.400		40.402.400	116		116
10.10. Hội Người cao tuổi	24.000.000		24.000.000	21.456.000		21.456.000	89		89
10.11. Hội khuyến học	21.100.000		21.100.000	16.092.000		16.092.000	76		76
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	68.100.000		68.100.000	67.050.000		67.050.000	98		98
11. Chi cho công tác xã hội	267.928.000		267.928.000	271.184.000		271.184.000	101		101
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội	267.928.000		267.928.000	271.184.000		271.184.000			
- Khác									
12. Chi khác									
13. Dự phòng	39.500.000		39.500.000	88.917.000		88.917.000	225		225
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

UBND XÃ ĐỒNG LIÊN

Biểu số: 107/CKTC-NSNN

KẾ HOẠCH THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán Trình HĐND)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022		
	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
Tổng số	**45.964.000**	**37.232.000**	**51.620.000**	**31.576.000**	**39.000.000**	**56.453.000**	**14.123.000**
I. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**45.964.000**	**37.232.000**	**51.620.000**	**31.576.000**	**39.000.000**	**56.453.000**	**14.123.000**
+ Quỹ Bảo trợ trẻ em	3.439.000	8.660.000	4.500.000	7.599.000	9.000.000	12.000.000	4.599.000
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	18.792.000	8.660.000	20.460.000	6.992.000	9.000.000	12.000.000	3.992.000
+ Quỹ chăm sóc người cao tuổi	520.000			520.000		520.000	-
+ Quỹ Vì người nghèo	8.880.000	9.652.000	3.000.000	15.532.000	10.000.000	20.000.000	5.532.000
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai	8.500.000	10.260.000	18.760.000	-	11.000.000	11.000.000	-
+ Quỹ Da cam	4.900.000		4.900.000	-			-
+ Quỹ Chữ thập đỏ	933.000			933.000		933.000	-